

Bản án số: 403/2019/DS-ST

Ngày: 10/10/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Mỹ Hạnh
- Ông Đinh Tình Thanh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 485/2014/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2014 về việc “Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3818/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T

Địa chỉ: Số 19 K, quận K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phát H

Địa chỉ: Số 15 Công trường L, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Tấn A, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 01/11 T, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần N.

Địa chỉ: Số 03-03 Y, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 29 L6, Khu định cư G, Nguyễn Thị Đ, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2014 và tại các bản khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Phát H trình bày:

* Đối với thẻ tín dụng Quốc tế Visa V0724111 là loại thẻ có bảo lãnh thanh toán của Công ty CP N:

Ngày 01/08/2012, Vietcombank có ký hợp đồng phát hành một thẻ tín dụng Visa V0724111 cho Công ty CP N (sau đây gọi là Công ty) - Giấy phép kinh doanh số 0310773698 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp lần đầu ngày 13/04/2011, trụ sở: 06 S, Phường N, Quận X, TPHCM.

Công ty ủy quyền cho Ông Võ Tấn A (số CMND: 020405XXX - địa chỉ: 01/01 Thanh Thị T, Phường Đ, Quận X, TP HCM với chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty) đứng tên sử dụng thẻ với hạn mức là 50.000.000 VND (Năm mươi triệu đồng) (*tham chiếu Điều 1.4 và Điều 6.2 tại “Các điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng”*)

Sau khi phát sinh nợ xấu vào tháng 10/2012, Vietcombank đã liên hệ với ông Tấn A nhiều lần để yêu cầu thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông Tấn A chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện. Ngân hàng cũng đã cố gắng liên hệ để thông báo công nợ cho Công ty nhưng không được do Công ty tạm ngưng hoạt động tại địa chỉ: số 06 S, Phường N, Quận X, TPHCM.

Việc thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng Visa V0724111 do Công ty thực hiện thanh toán (*tham chiếu tại Mục 12 “Xác nhận thanh toán của công ty” – Bản “Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế”, do Tổng giám đốc của Công ty là ông Phạm Thành D đã ký tên, đóng dấu xác nhận với nội dung là Công ty đồng ý thanh toán các khoản chi tiêu phát sinh từ thẻ tín dụng*). Tuy nhiên, ông Tấn A cũng phải có trách nhiệm liên đới là phải thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng này bởi các lý do sau:

- Căn cứ vào Điều 1.4 tại “Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” có ghi định nghĩa về “chủ thẻ” là “*cá nhân hoặc người được ủy quyền được Ngân hàng cấp thẻ để sử dụng và có tên trên thẻ.....Chủ thẻ chính là cá nhân hoặc cá nhân được công ty đứng tên xin phát hành thẻ cho chính mình sử dụng*”.
- Căn cứ vào Điều 2.2.c tại “Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” có ghi quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ là “*Không được chuyển nhượng thẻ hoặc trao thẻ cho người khác sử dụng*”. Điều này chứng tỏ các khoản chi tiêu bằng thẻ tín dụng Visa này là

do chính Ông A thực hiện, Ông A phải chịu trách nhiệm về các khoản chi tiêu này.

- Căn cứ vào Điều 2.2.n tại “Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” có ghi quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ là *“Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các khoản vay (bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh) theo quy định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ”*
- Căn cứ vào Điều 4.1 tại “Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” có quy định là *“Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch.....chứng từ cung cấp”*
- Căn cứ vào Điều 4.6 tại “Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” có quy định là *“Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê theo quy định ...”*

Do không có tinh thần hợp tác để trả nợ cho Ngân hàng nên chúng tôi đã làm thủ tục thưa kiện tại Quý Tòa để yêu cầu Công ty CP N và ông Võ Tấn A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 03/9/2019 là 1.357.200.401 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu hai trăm ngàn bốn trăm lẻ một đồng) bao gồm nợ gốc, lãi thẻ tín dụng, phí phạt chậm thanh toán, phí vượt hạn mức với chi tiết như sau: Nợ gốc 49.553.642 đồng, nợ lãi: 57.329.034 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 916.481.436 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) và nợ phí vượt hạn mức là: 333.636.289 đồng.

Trong đó, chi tiết lãi, phí được tính theo Biểu phí thể hiện trên yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế vào ngày 31/7/2012 như sau:

- Nợ phí thường niên được tính từ ngày: 03/8/2012 – 03/8/2013
(Thẻ đã hủy vĩnh viễn do nợ quá hạn từ ngày 19/6/2014)
- Nợ lãi được tính từ ngày: 10/8/2012 đến ngày 03/9/2019
- Nợ phí phạt chậm trả được tính từ ngày: 05/9/2012 đến ngày 03/9/2019
- Nợ phí vượt hạn mức được tính từ ngày: 20/10/2012 đến ngày 03/9/2019

* Đối với thẻ tín dụng Quốc tế Master 0710775 là loại thẻ do cá nhân tín chấp:

Ngày 01/08/2012, Vietcombank có ký hợp đồng phát hành một thẻ tín dụng Master 0710775 loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông Võ Tấn A - số CMND: 020405XXX - địa chỉ: 01/01 Thạnh Thị T, Phường Đ, Quận X, TP HCM, là Phó Tổng giám đốc của Công ty CP N, với hạn mức thẻ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Sau khi phát sinh nợ xấu vào tháng 10/2012, Vietcombank đã liên hệ với ông Tấn A nhiều lần để yêu cầu thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng. Tuy nhiên,

ông Tấn A chỉ hứa hẹn qua điện thoại nhưng không thực hiện và Ngân hàng cũng đã đến địa chỉ nhà của ông Tấn A nhiều lần nhưng không gặp được.

Sau đó, ông Tấn A có lên Ngân hàng để trình bày lý do chậm trả nợ và cam kết sẽ thanh toán các khoản nợ thẻ. Nhưng sau thời gian cam kết, ông Tấn A vẫn không thực hiện theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin nhắc nhở nhưng ông Tấn A không trả lời và đã trực tiếp đến địa chỉ nhà, công ty nhưng vẫn không gặp được.

Do không có tinh thần hợp tác để trả nợ cho Ngân hàng nên chúng tôi đã làm thủ tục thưa kiện ông Tấn A tại Quý Tòa để giúp chúng tôi thu hồi toàn bộ số tiền tính đến sao kê ngày 03/9/2019 là 297.546.351 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi một đồng) bao gồm nợ gốc, lãi thẻ tín dụng, phí phạt chậm thanh toán, phí vượt hạn mức với chi tiết như sau: Nợ gốc: 9.850.000 đồng, nợ lãi: 12.087.447 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 202.108.256 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) và nợ phí vượt hạn mức là: 73.300.647 đồng.

Trong đó, chi tiết lãi, phí được tính theo Biểu phí thể hiện trên yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế vào ngày 31/7/2012 như sau:

- Nợ phí thường niên được tính từ ngày: 02/8/2012 – 02/8/2013
(Thẻ đã hủy vĩnh viễn do nợ quá hạn từ ngày 19/6/2014)
- Nợ lãi được tính từ ngày: 19/8/2012 đến ngày 03/9/2019
- Nợ phí phạt chậm trả được tính từ ngày: 27/8/2012 đến ngày 03/9/2019
- Nợ phí vượt hạn mức được tính từ ngày: 10/10/2012 đến ngày 03/9/2019

Để thực hiện đúng qui định pháp luật và các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký giữa ông Võ Tấn A và Vietcombank cùng với Xác nhận của Công ty đồng ý thanh toán các khoản chi tiêu phát sinh từ thẻ tín dụng do Ông Võ Tấn A đứng tên sử dụng, chúng tôi đã thưa kiện ông Võ Tấn A và Công ty ra Tòa án Nhân dân Quận 1 để thu hồi số tiền nợ thẻ trên.

Kính đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ thẻ Visa V0724111 và thẻ Master 0710775, cụ thể như sau:

- Tổng nợ của thẻ Visa V0724111 là: 1.023.564.112 đồng (nợ gốc: 49.553.642 đồng, nợ lãi: 57.329.034 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 916.481.436 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) và Vietcombank đồng ý không tính toàn bộ phần nợ phí vượt hạn mức là: 333.636.289 đồng.

- Tổng nợ của thẻ Master 0710775 là 224.245.703 đồng (nợ gốc: 9.850.000 đồng, nợ lãi: 12.087.447 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 202.108.256 đồng,

nợ phí thường niên: 200.000 đồng) và Vietcombank đồng ý không tính toàn bộ phần nợ phí vượt hạn mức là: 73.300.647 đồng.

- Và toàn bộ số tiền nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh của hai thẻ trên kể từ ngày 04/9/2019 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi Ông Võ Tấn A và Công ty CP N trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP T.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 người đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và có bản khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là ông Võ Tấn A không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần N không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T khởi kiện tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng với bị đơn ông Võ Tấn A có nơi cư trú tại Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Do đó Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập được.

[3] Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hoà giải được.

[4] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung:

[5] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Tấn A và Công ty CP N trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2019 là:

Tổng nợ của thẻ Visa V0724111 là: 1.023.564.112 đồng (nợ gốc: 49.553.642 đồng, nợ lãi: 57.329.034 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 916.481.436 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) và Vietcombank đồng ý không tính toàn bộ phần nợ phí vượt hạn mức là: 333.636.289 đồng.

Tổng nợ của thẻ Master 0710775 là 224.245.703 đồng (nợ gốc: 9.850.000 đồng, nợ lãi: 12.087.447 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 202.108.256 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) và Vietcombank đồng ý không tính toàn bộ phần nợ phí vượt hạn mức là: 73.300.647 đồng.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho đến ngày ông Tuấn A trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Công ty CP N đã ủy quyền cho ông Võ Tấn A đứng tên chủ sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa V0724111 với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.553.642 đồng và phát sinh tiền lãi và các khoản phí. Bên cạnh đó ông Võ Tấn A có ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Master 0710775 với tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.850.000 đồng và phát sinh tiền lãi và các khoản phí. Đối với Thẻ Master 0710775 là do ông Võ Tấn A tự ký tự chịu trách nhiệm chính không liên quan đến Công ty CP N, do đó Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Tấn A và Công ty CP N trả là không có cơ sở.

Căn cứ vào bảng sao kê chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được các bên thỏa thuận tại Phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, thẻ tín dụng cá nhân và căn cứ trên bảng Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thẻ tín dụng cá nhân kèm theo nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty CP N phải trả tiền vốn gốc còn nợ là 49.553.642 đồng đối với thẻ Visa V0724111 và buộc bị đơn phải trả tiền vốn gốc còn nợ là 9.850.000 đồng đối với thẻ Master 0710775.

[7] Xét yêu cầu trả lãi và phí phạt: Ngân hàng yêu cầu ông Võ Tấn A phải thanh toán các khoản lãi và phí được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa V0724111 và Master 0710775. Căn cứ theo bảng Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng

quốc tế kèm theo. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Võ Tấn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty CP N phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 03/9/2019 nợ lãi: 57.329.034 đồng, phí: 916.481.436 đồng, phí thường niên 200.000 đồng đối với thẻ tín dụng quốc tế Visa V0724111 và buộc ông Võ Tấn A thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 03/9/2019 nợ lãi: 12.087.447 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 202.108.256 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng đối với thẻ tín dụng quốc tế Master 0710775.

[8] Như vậy tổng số tiền ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải trả cho nguyên đơn là:

Tổng nợ của thẻ Visa V0724111 là: 1.023.564.112 đồng (nợ gốc: 49.553.642 đồng, nợ lãi: 57.329.034 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 916.481.436 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng).

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 03 tháng 9 năm 2019 cho đến ngày ông Tấn A và Công ty CP N trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn được quy định trong Phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế và bảng Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Tổng số tiền ông Võ Tấn A phải trả cho nguyên đơn là:

Tổng nợ của thẻ Master 0710775 là 224.245.703 đồng (nợ gốc: 9.850.000 đồng, nợ lãi: 12.087.447 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 202.108.256 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng).

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 03 tháng 9 năm 2019 cho đến ngày ông Tấn A trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn được quy định trong Phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế và bảng Các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

[9] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả toàn bộ phần nợ phí vượt hạn mức là: 333.636.289 đồng và 73.300.647 đồng của cả hai thẻ.

[9] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thanh toán một lần số tiền nợ gốc và lãi quá hạn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở theo Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do vụ án đã được thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải chịu án phí dân sự sơ

thảm là 42.706.000 đồng. Ông Võ Tấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.212.285 đồng. Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

Buộc ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải trả cho nguyên đơn là: Tổng nợ của thẻ Visa V0724111 là: 1.023.564.112 đồng (nợ gốc: 49.553.642 đồng, nợ lãi: 57.329.034 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 916.481.436 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) tính đến ngày 03/9/2019; Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu Công ty CP N và ông Võ Tấn A trả phí vượt hạn mức là: 336.636.289 đồng.

Kể từ ngày 04/9/2019, ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP T cho đến khi ông Võ Tấn A và Công ty CP N thanh toán xong khoản nợ gốc này. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP T được quy định tại bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

Buộc ông Võ Tấn A phải trả cho nguyên đơn là: Tổng nợ của thẻ Master 0710775 là 224.245.703 đồng (nợ gốc: 9.850.000 đồng, nợ lãi: 12.087.447 đồng, nợ phí phạt chậm thanh toán: 202.108.256 đồng, nợ phí thường niên: 200.000 đồng) tính đến ngày 03/9/2019. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu ông Võ Tấn A thanh toán phí vượt hạn mức là: 73.300.647 đồng.

Kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2019, ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên khoản nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP T cho đến khi ông Võ Tấn A và Công ty CP N thanh toán xong khoản nợ gốc này. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP T được quy định tại bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Về án phí: Ông Võ Tấn A và Công ty CP N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.706.000 đồng. Ông Võ Tấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.212.285 đồng. Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.517.544 đồng (Ba triệu năm trăm mười bảy ngàn năm trăm bốn mươi bốn

đồng) theo biên lai số AB/2012/005842 ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP T, Ông Võ Tấn A và Công ty CP N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh